TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 384/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2019
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

2. Bà Trần Việt Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 318/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1983 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 17, ấp C, TT.D , huyện E, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984 (Có Đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp P, TT. D, huyện E, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 05/8/2019 và trong quá trình tố tụng, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông B sau thời gian quen biết tiến tới hôn nhân vào năm 2002, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu, huyện Châu Thành theo Giấy chứng nhận kết hôn số 421 ngày 31/12/2002. Sau khi kết hôn về sống chung với nhau thì ông B thường xuyên ăn nhậu, khi nhậu say về thường kiếm chuyện gây lộn và đánh đập bà. Bà đã cố gắng chịu đựng vì con, vì gia đình. Nhưng, đến nay ông B vẫn không thay đổi, nên khoảng tháng 3 năm 2019 bà bỏ về nhà mẹ ruột sống, bà và ông B ly đã ly thân từ đó đến nay khoảng 06 tháng. Nay bà không còn tình cảm với ông B,

nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông B.

- Về con chung: Giữa bà và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 31/5/2003 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25/3/2008, hiện các con đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2019, bị đơn – Ông Nguyễn Thanh B trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà A chung sống với nhau như vợ chồng được 1 năm thì cả hai đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu vào năm 2002. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà A có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, theo bà A trình bày do ông ăn nhậu về đánh đập bà là không đúng, mà mâu thuẫn là do bà A cờ bạc ông nói không được và mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc của vợ chồng, ông đi làm có tiền mua nữ trang cho bà A đeo, khi cần đem bán thì mới biết bà A đã bán và thế vàng giả vào. Giữa ông và bà A đã ly thân nhau khoảng 06 tháng nay, trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay ông đồng ý ly hôn với bà A.

- Về con chung: Giữa ông và bà A có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 31/5/2003 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25/3/2008, hiện các con đang sống với bà A. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà A nuôi 02 con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ:

- Nguyên đơn cung cấp chứng cứ gửi Tòa án gồm:

+ Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu của nguyên đơn (Bản photo);

+ Giấy trích lục kết hôn (Bản sao);

+ 02 (Hai) Giấy khai sinh cháu L và N (Bản sao);

+ Phiếu gửi hồ sơ khởi kiện cho bị đơn.

- Bị đơn cung cấp chứng cứ gửi Tòa án gồm:

+ Đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 20/9/2019;

+ Sổ hộ khẩu (Bản photo).

- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thu thập được tài liệu, chứng cứ:

+ Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Thanh B ngày 19/9/2019.

+ 02 Tờ ghi ý kiến của cháu L và cháu N ngày 06/9/2019.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B; Về con chung: Bà A được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Trúc L và Nguyễn Thanh N Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà A và ông B đều xác định không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Bà A phải nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà A có Đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông B, do vậy xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân Gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông B có nơi cư trú tại tổ 16, ấp P, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông B vắng mặt. Tuy nhiên, ông B đã có Văn bản xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án (Các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử). Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà A và ông B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu, huyện hâu Thành, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 421 ngày 31/12/2002 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà A và ông B xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà A nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B thường xuyên

nhậu nhẹt, đánh đập bà. Theo ông B là do bà A cờ bạc và giữa vợ chồng mâu thuẫn về chuyện tiền bạc. Cả hai đều xác định thời gian vợ chồng ly thân đã 6 tháng và trong thời gian ly thân, cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Đối với yêu cầu ly hôn của bà A thì ông B cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà A và ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A, bà A được ly hôn với ông B.

2.2 Về con chung: Giữa bà A và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 31/5/2003 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25/3/2008, hiện các con đang sống với bà A. Sau khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này của bà A được ông B đồng ý. Ngoài ra, cháu L và cháu N đã có Tờ ghi ý kiến có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ là bà A sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bà A và ông B về con chung như sau: Bà A được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu L và cháu N. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con, bà A phải tạo điều kiện cho ông B trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà A và ông B đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm*:*

Bà A là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà A và ông B có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 421 ngày 31/12/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị A được tiếp tục nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 31/5/2003 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 25/3/2008. Ông Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu. Bà A phải tạo điều kiện cho ông B trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004383 ngày 20/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/10/2019). Ông Nguyễn Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- UBND TT. An Châu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh